

Số: 1372 /QĐ-UBND

Lạng Giang, ngày 09 tháng 7 năm 2024

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN LẠNG GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét đề nghị của Công ty Cổ phần may BGG Lạng Giang tại các văn bản: số 01/CV-BGG ngày 22/05/2024 về việc đề nghị cấp Giấy phép môi trường của dự án đầu tư; số 02/CV-MT ngày 04/7 /2024 về việc chỉnh sửa, bổ sung và đề nghị cấp Giấy phép môi trường của dự án đầu tư và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của phòng Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 1934 /TTr-TNMT ngày 05/7/2024 về việc cấp Giấy phép môi trường của dự án “Xây dựng nhà máy sản xuất ngành may mặc BGG” tại lô A3+A7, Cụm công nghiệp Nghĩa Hòa, thị trấn Kép, huyện Lạng Giang;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty Cổ phần may BGG Lạng Giang, địa chỉ trụ sở chính: Lô A3+A7, Cụm công nghiệp Nghĩa Hòa, thị trấn Kép, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án “Xây dựng nhà máy sản xuất ngành may mặc BGG” tại Lô A3+A7, Cụm công nghiệp Nghĩa Hòa, thị trấn Kép, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án đầu tư:

1.1. Tên dự án đầu tư: Xây dựng nhà máy sản xuất ngành may mặc BGG.

1.2. Địa điểm hoạt động: Lô A3+A7, Cụm công nghiệp Nghĩa Hòa, thị trấn Kép, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang.

1.3. Giấy chứng nhận đầu tư được UBND tỉnh Bắc Giang quyết định chủ trương đầu tư tại Quyết định số 152/QĐ-UBND ngày 16/3/2016 với dự án: “Xây dựng nhà máy sản xuất phụ kiện ngành may”; Điều chỉnh chủ trương đầu tư lần thứ 01 tại Quyết định số 570/QĐ-UBND ngày 09/8/2019 của UBND tỉnh Bắc Giang; Điều chỉnh chủ trương đầu tư lần thứ 02 tại Quyết định số 1003/QĐ-UBND ngày 04/11/2020 của UBND tỉnh Bắc Giang.

1.4. Mã số thuế: 2400889524.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Sản xuất hàng may mặc và phụ kiện ngành may.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án đầu tư:

- Phạm vi: Dự án được thực hiện tại Lô A3+A7, Cụm công nghiệp Nghĩa Hòa, thị trấn Kép, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang với diện tích 25.424 m².

- Quy mô của dự án đầu tư: Dự án nhóm C (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công);

- Công suất của dự án đầu tư:

+ Sản xuất Phéc-mơ-tuya: 600.000 sản phẩm/năm.

+ Sản xuất khóa, cúc quần áo: 500.000 sản phẩm/năm.

+ Sản xuất tất tay, caravat: 800.000 sản phẩm/năm.

+ Sản xuất bao bì, thùng carton, túi đựng: 100.000 sản phẩm/năm.

+ May áo jacket: 2.000.000 sản phẩm/năm.

+ May trang phục: 2.000.000 sản phẩm/năm.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo.

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty Cổ phần may BGG Lạng Giang.

1. Công ty Cổ phần may BGG Lạng Giang có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

2. Công ty Cổ phần may BGG Lạng Giang có trách nhiệm

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng tại địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo bằng văn bản đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm, kể từ ngày ký.

Điều 4. Giao phòng Tài nguyên và Môi trường, UBND thị trấn Kép tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Chủ tịch, các PCT UBND huyện;
- Phòng Tài nguyên & MT;
- UBND thị trấn Kép;
- Công ty Cổ phần may BGG Lạng Giang;
- LĐVP, TH, CNTT, Công TTĐT huyện;
- Lưu VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Bùi Thị Hương Lan

Phụ lục 1**NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC
VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI**
(Kèm theo Giấy phép môi trường số: 1372 /QĐ-UBND ngày 09 /7/2024 của UBND huyện)**A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI***** Giai đoạn 1: Giai đoạn hiện tại, nội dung đề nghị cấp phép cụ thể:****1. Nguồn phát sinh nước thải: 02 nguồn.**

+ Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của cán bộ, công nhân viên, người lao động làm việc tại dự án;

+ Nguồn số 02: Nước thải nhà bếp từ khu vực nhà ăn ca;

2. Dòng nước xả thải vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải: 01 dòng nước thải sau trạm xử lý nước thải sinh hoạt tập trung công suất 200 m³/ngày đêm của cơ sở xả vào mương tiêu nội đồng thuộc Tổ dân phố Đồng 3, thị trấn Kép, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang.

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải:

Nước thải sau xử lý được xả thải vào mương tiêu nội đồng thuộc Tổ dân phố Đồng 3, thị trấn Kép, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang.

2.2. Vị trí xả nước thải: 01 vị trí xả vào mương tiêu nội đồng thuộc Tổ dân phố Đồng 3, thị trấn Kép, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang (sau trạm xử lý nước thải tập trung của dự án).

Toạ độ vị trí xả nước thải: X=2350629; Y=489062 (theo hệ toạ độ VN2000, kinh tuyến trực 107°, múi chiếu 3°).

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 200 m³/ngày.đêm, tương đương khoảng 6,04 m³/giờ (tính theo 24 giờ).

2.3.1. Phương thức xả nước thải: tự chảy theo đường ống uPVC D200 có chiều dài 85m nối từ điểm đầu ra của hệ thống xử lý nước thải tập trung đến mương tiêu nội đồng thuộc Tổ dân phố Đồng 3, thị trấn Kép, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang.

2.3.2. Chế độ xả nước thải: Xả nước thải liên tục trong 24 giờ.

2.3.3. Chất lượng nước thải khi xả thải vào nguồn nước tiếp nhận phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 14:2008/BTNMT, cột B - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt, trước khi xả ra ngoài môi trường. Cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị	Giới hạn theo QCVN 14:2008 /BTNMT cột B	Tần suất quan trắc định kỳ
1	pH	-	5-9	Cơ sở không thuộc đối tượng phải quan trắc nước thải định kỳ theo khoản 2 Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ
2	BOD ₅	mg/l	50	
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	100	
4	Tổng chất rắn hoà tan	mg/l	1000	
5	Sunfua (tính theo H ₂ S)	mg/l	4,0	
6	Amoni(tính theo N)	mg/l	10	
7	Nitrat (NO ₃ -) (tính theo N)	mg/l	50	
8	Dầu mỡ động thực vật	mg/l	20	
9	Tổng các chất rắn hoạt động bề mặt	mg/l	10	
10	Phosphat (PO ₄ ³⁻) (tính theo P)	mg/l	10	
11	Tổng coliforms	MPN/ 100ml	5000	

*** Giai đoạn 2: Giai đoạn cụm công nghiệp Nghĩa Hòa hoàn thiện hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung** (nước thải của cơ sở được đấu nối vào hệ thống thu gom và xử lý nước thải tập trung của cụm công nghiệp Nghĩa Hòa, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang)

Cơ sở không thuộc trường hợp phải cấp phép xả nước thải theo quy định tại khoản 1, 2 Điều 39 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 (khi đã đấu nối nước thải phát sinh vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của cụm công nghiệp Nghĩa Hòa, không xả thải trực tiếp ra môi trường), do: Toàn bộ nước thải sinh hoạt phát sinh được thu gom, xử lý tại trạm xử lý nước thải sinh hoạt công suất 200 m³/ngày đêm của cơ sở đạt quy chuẩn QCVN 40:2011/BTNMT, cột B, sau đó đấu nối vào hệ thống thu gom nước thải và đưa về hệ thống xử lý nước thải tập trung của cụm công nghiệp Nghĩa Hòa do Công ty Cổ phần Tổng công ty May Bắc Giang LGG (chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng cụm công nghiệp) xây dựng và quản lý vận hành để tiếp tục xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT, cột A, sau đó thải ra môi trường (theo Biên bản thỏa thuận ngày 01/7/2024 giữa Công ty Cổ phần Tổng công ty May Bắc Giang LGG và Công ty Cổ phần may BGG Lạng Giang về việc thỏa thuận đấu nối thoát nước thải), cơ sở không xả nước thải trực tiếp ra môi trường.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải

Nước thải sinh hoạt phát sinh từ các nhà vệ sinh sau khi được thu gom và xử lý sơ bộ bằng 06 bể tự hoại 3 ngăn (02 bể có dung tích 25 m³; 04 bể có thể tích là 30 m³) được thu gom theo đường ống uPVC D200 dài khoảng 450 m về trạm xử lý nước thải tập trung công suất 200m³/ngày.đêm của dự án.

Nước thải nhà bếp được xử lý sơ bộ bằng 01 bể tách dầu mỡ 3 ngăn thể tích 6 m³ được thu gom theo đường ống uPVC D110 dài khoảng 30 m về trạm xử lý nước thải tập trung công suất 200m³/ngày.đêm của dự án.

Nước thải sau xử lý tại trạm xử lý nước thải tập trung của dự án đạt QCVN 14:2008/BTNMT, cột B trước khi xả thải vào nguồn tiếp nhận theo đường ống uPVC D200 dài 85 m.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

Dự án đầu tư 01 trạm xử lý nước thải tập trung, công suất 200m³/ngày đêm để xử lý nước thải.

- Tóm tắt quy trình công nghệ hệ thống xử lý nước thải tập trung, công suất 200m³/ngày đêm: Nước thải sinh hoạt (sau xử lý sơ bộ qua bể tự hoại); Nước thải nhà bếp (sau xử lý sơ bộ qua bể tách dầu mỡ) → Bể gom → Bể điều hòa → Bể thiếu khí → Bể hiếu khí MBBR → Bể lắng sinh học → Bể khử trùng → nguồn tiếp nhận. Nước thải sau xử lý đạt QCVN 14:2008/BTNMT, cột B – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt trước khi xả thải ra môi trường.

- Công suất thiết kế: 200 m³/ngày.đêm.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Clo khô: 50 kg/tháng, methanol 75kg/tháng.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục: Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Vận hành trạm xử lý nước thải theo đúng quy trình kỹ thuật (có nhật ký theo dõi, giám sát vận hành); tuân thủ định mức hóa chất.

- Thường xuyên kiểm tra, theo dõi mật độ vi sinh. Bổ sung dinh dưỡng nuôi vi sinh.

- Thường xuyên duy tu, bảo dưỡng và thay thế các thiết bị hỏng hóc, các thiết bị vật liệu lọc, thiết bị xử lý đạt hiệu quả xử lý nước thải.

- Kiểm tra hệ thống thu gom và xử lý nước thải hàng ngày để có biện pháp phòng ngừa, bảo dưỡng định kỳ, kịp thời xử lý sự cố.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: Từ tháng 8/2024 đến tháng 11/2024

2.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải vận hành thử nghiệm: Hệ thống xử lý nước thải công suất 200 m³/ngày đêm.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu: Nước thải đầu vào và đầu ra sau xử lý của hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt công suất 200 m³/ngày đêm.

2.2.2. *Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm*: Đạt QCVN 14:2008/BTNMT, cột B - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước thải sinh hoạt (chi tiết nội dung được cấp phép tại phần A phụ lục này).

2.3. Tần suất lấy mẫu:

Vị trí giám sát	Thông số giám sát	Tần suất giám sát	Quy chuẩn so sánh
01 vị trí nước thải đầu vào trước hệ thống xử lý nước thải	pH, BOD ₅ , Tổng rắn lơ lửng (TSS), Tổng chất rắn hòa tan, Amoni (tính theo N), Photphat (PO ₄ ³⁻) (tính theo P), Nitrat (NO ₃ ⁻) (tính theo N), Sunfua (tính theo H ₂ S), Dầu mỡ động thực vật, Tổng chất hoạt động bề mặt, Tổng Coliforms.	Thực hiện lấy mẫu đơn 01 lần. Thời gian lấy mẫu ngày 05/08/2024.	QCVN 14:2008/BTNMT, cột B
01 vị trí nước thải đầu ra sau hệ thống xử lý nước thải		Lấy mẫu đơn 01 lần/ngày trong 3 ngày liên tiếp. Thời gian dự kiến: Lần 1: Ngày 05/08/2024. Lần 2: Ngày 06/08/2024. Lần 3: Ngày 07/08/2024.	

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án đảm bảo đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của các chất ô nhiễm tại phần A phụ lục này trước khi xả vào mương tiêu nội đồng thuộc Tổ dân phố Đồng 3, thị trấn Kép, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang. Không được phép lấp đặt đường ống khác để xả nước thải chưa qua xử lý ra môi trường.

3.2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác:

- Thông báo kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình, hạng mục công trình xử lý chất thải của dự án cho UBND huyện Lạng Giang (qua phòng Tài nguyên và Môi trường) trước ít nhất 10 ngày kể từ ngày vận hành thử nghiệm để theo dõi, giám sát và thực hiện vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải đảm bảo đúng quy định của Luật Bảo vệ môi trường và Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

- Thực hiện đúng và đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác so với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo cơ quan cấp giấy phép để xem xét, giải quyết.

- Bố trí đủ nguồn lực, thiết bị đảm bảo vận hành thường xuyên, hiệu quả các công trình thu gom, xử lý nước thải.

Phụ lục 2
BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số:1372 /QĐ-UBND 09 /7/2024 của UBND huyện)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG:

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung

- 01 nguồn phát sinh từ hoạt động của máy móc của dây chuyền may.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung

- Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung: 02 vị trí

+ Vị trí số 01: 01 vị trí giữa nhà xưởng số 1, vị trí dây chuyền may. Tọa độ vị trí gây ồn (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 107⁰, múi chiếu 3⁰): X=2369705,979; Y=422960,137.

+ Vị trí số 02: 01 vị trí giữa nhà xưởng số 2, vị trí dây chuyền may. Tọa độ vị trí gây ồn (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 107⁰, múi chiếu 3⁰): X=2369830,582; Y=423013,595.

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với tiếng ồn, độ rung QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

- Tiếng ồn:

Từ 6-21 giờ (dBA)	Từ 21-6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
70	55	-	<i>Khu vực thông thường</i>

- Độ rung:

Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép, dB		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
Từ 6-21 giờ	Từ 21-6 giờ		
70	60	-	<i>Khu vực thông thường</i>

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG

- Cơ sở không sử dụng các thiết bị cũ lạc hậu gây tiếng ồn, độ rung cao nhằm giảm thiểu sự lan truyền của tiếng ồn, rung động. Thường xuyên thực hiện chế độ bảo dưỡng máy móc thiết bị, lau dầu mỡ để giảm thiểu tiếng ồn, độ rung khi vận hành.

- Công ty bố trí trồng cây xanh có tán rộng ở các vị trí trống trong khuôn viên cơ sở sẽ giảm thiểu tiếng ồn lan truyền ra môi trường xung quanh và tạo môi trường khí hậu trong lành, mát mẻ.

- Kiểm tra bảo dưỡng định kỳ các thiết bị gây ồn, bôi trơn các bộ phận chuyển động để giảm tiếng ồn, độ rung. Sử dụng đệm chống ồn, giảm rung chấn được lắp tại chân của máy móc, thiết bị. Lắp ống giảm thanh cho các máy móc và các thiết bị gây ồn.

Phụ lục 3**YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG***(Kèm theo Giấy phép môi trường số: 1372 /QĐ-UBND ngày 09/7/2024 của UBND huyện)***A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI****1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh:***1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:*

Khối lượng chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên khoảng **197 kg/năm**, trong đó:

STT	Tên chất thải nguy hại	Mã CTNH	Số lượng trung bình (kg/năm)
1	Găng tay, giẻ lau nhiễm thành phần nguy hại	18 02 01	24
2	Bóng đèn huỳnh quang thải	16 01 06	28
3	Dầu động cơ và dầu bôi trơn tổng hợp thải	17 02 03	75
4	Sản phẩm vô cơ thải (máy móc thiết bị thải hỏng nhiễm dầu)	19 03 01	50
5	Bao bì thải bị nhiễm thành phần nguy hại	18 01 01	20
Tổng số lượng			197

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh

Chất thải rắn sản xuất sinh ra trong quá trình sản xuất của dự án khoảng 150 kg/ngày.

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh: Khoảng 1.350kg/ngày; bùn

thải từ trạm xử lý nước thải sinh hoạt 20kg/ngày.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại*2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại**2.1.1. Thiết bị lưu chứa*

Bố trí 05 thùng chứa có dung tích 120 lít/ thùng có nắp đậy, dán mã và cảnh báo chất thải nguy hại để thu gom, lưu chứa riêng biệt đối với từng loại chất thải nguy hại.

2.1.2. Kho/khu vực lưu chứa

Kho chứa chất thải nguy hại có diện tích 15m², đảm bảo các tiêu chuẩn như: Khung kèo thép, tường xây gạch, mái lợp tôn, có cửa ra vào trên cửa có biển cảnh báo kho chứa CTNH. Mặt sàn trong khu lưu giữ kín khít, không rạn nứt, không bị thấm thấu.

Chủ dự án hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyên, xử lý CTNH theo quy định (tần suất thu gom, vận chuyên 01 năm/lần).

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường

2.2.1. Thiết bị lưu chứa

Đối với các loại vải vụn, chỉ, mex... được thu gom vào 30 thùng chứa dung tích 100 lít; bao bì cát tông, ni lông ... được thu gom vào 15 thùng chứa dung tích 100 lít đặt tại các khu vực trong xưởng sản xuất sau đó được cho vào các bao chứa đặt tại kho chứa chất thải rắn sản xuất. Đối với sản phẩm không đạt yêu cầu được đưa về kho chứa nguyên liệu của công ty bán thanh lý ra thị trường.

2.2.2 Kho/khu vực lưu chứa

Kho chứa chất thải có diện tích 50 m². Thiết kế, cấu tạo của kho: Khung kèo thép, tường xây gạch, mái lợp tôn, có cửa ra vào, mặt sàn bằng bê tông.

Chủ dự án hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyên chất thải công nghiệp mang đi xử lý theo quy định với tần suất khoảng 03 tháng/lần hoặc khi kho chứa đầy.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt

Bố trí tổng cộng 100 thùng đựng rác có nắp đậy với dung tích 60-200 lít/thùng đặt tại nhà ăn, nhà văn phòng, nhà xưởng sản xuất, hành lang dọc tuyến đường nội bộ trong cơ sở để thu gom rác thải sinh hoạt phát sinh. Chủ dự án ký hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyên, xử lý theo quy định (tần suất 03 lần/tuần).

Đối với bùn thải của bể tự hoại và hệ thống xử lý nước thải được công ty định kỳ thuê đơn vị có chức năng đem đi xử lý với tần suất khoảng 6 tháng/lần, hoặc khi bể đầy.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

Tổ chức thực hiện các biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này./.
